|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc----------------** |
| Số: 06/2013/QĐ-UBND | *Bà Rịa, ngày 24 tháng 01 năm 2013* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá**

**tài sản và phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất**

**trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn quy định mức thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 55/TTr-STP ngày 11 tháng 01 năm 2013 về việc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định mức thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành quy định mức thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, cụ thể như sau:

**1. Tổ chức thu phí:**

**1.1. Cơ quan thu phí:**

- Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản.

- Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản.

- Hội đồng bán đấu giá tài sản.

**1.2. Đối tượng nộp phí:**

- Người có tài sản bán đấu giá thành.

- Người tham gia bán đấu giá tài sản.

**2. Mức thu phí đấu giá tài sản và mức thu phí tham gia đấu giá tài sản:**

a) Mức thu phí đấu giá tài sản:

- Trường hợp bán đấu giá tài sản thành thì mức thu phí được tính trên giá trị tài sản bán được của một cuộc bán đấu giá, theo quy định như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Giá trị tài sản bán được của một cuộc bán đấu giá | Mức thu |
| 1 | Dưới 50 triệu đồng | 5% giá trị tài sản bán được |
| 2 | Từ 50 triệu đến 1 tỷ đồng | 2,5 triệu + 1,5% giá trị tài sản bán được quá 50 triệu |
| 3 | Từ trên 1 tỷ đến 10 tỷ đồng | 16,75 triệu + 0,2% giá trị tài sản bán được vượt 1 tỷ |
| 4 | Từ trên 10 tỷ đến 20 tỷ đồng | 34,75 triệu + 0,15% giá trị tài sản bán được vượt 10 tỷ |
| 5 | Từ trên 20 tỷ đồng | 49,75 triệu + 0,1% giá trị tài sản bán được vượt 20 tỷ. Tổng số phí không quá 300 triệu/cuộc đấu giá |

- Trường hợp bán đấu giá tài sản không thành thì trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá, người có tài sản bán đấu giá, cơ quan thi hành án, cơ quan tài chính thanh toán cho tổ chức bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản các chi phí thực tế, hợp lý quy định tại Điều 43 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

b) Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản

Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản được quy định tương ứng với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá theo quy định như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Giá khởi điểm của tài sản | Mức thu (đồng/hồ sơ) |
| 1 | Từ 20 triệu đồng trở xuống | 50.000 |
| 2 | Từ trên 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng | 100.000 |
| 3 | Từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng | 150.000 |
| 4 | Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng | 200.000 |
| 5 | Trên 500 triệu đồng | 500.000 |

**3. Mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất của người tham gia đấu giá**

a) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Giá trị quyền sử dụng đất theo giá khởi điểm | Mức thu tối đa (đồng/hồ sơ) |
| 1 | Từ 200 triệu đồng trở xuống | 100.000 |
| 2 | Từ trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng | 200.000 |
| 3 | Từ trên 500 triệu đồng | 500.000 |

b) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất không thuộc phạm vi điểm a khoản 3 Điều này:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Diện tích đất | Mức thu tối đa (đồng/hồ sơ) |
| 1 | Từ 0,5 ha trở xuống | 1.000.000 |
| 2 | Từ trên 0,5 ha đến 2 ha | 3.000.000 |
| 3 | Từ trên 2 ha đến 5 ha | 4.000.000 |
| 4 | Từ trên 5 ha | 5.000.000 |

Trường hợp cuộc đấu giá không tổ chức được thì tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá tài sản được hoàn lại toàn bộ tiền phí tham gia đấu giá đã nộp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến tổ chức phiên bán đấu giá.

**Điều 2.** Tỷ lệ phần trăm (%) trích để lại cho đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí (Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản) từ số phí đấu giá và phí tham gia đấu giá tài sản thu được (không bao gồm số thu từ phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất) là: 90%. Thời gian ổn định tỷ lệ phần trăm (%) để lại số phí thu được cho cơ quan thu phí bán đấu giá là 3 (ba) năm.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 07/2007/QĐ-UBND ngày 19/01/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành mức thu phí bán đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND ngày 26/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) phí đấu giá tài sản trích để lại cho Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản.

**Điều 4.** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tư pháp, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, các thành phố; Giám đốc các tổ chức bán đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- VP Chính Phủ (báo cáo);- Website Chính phủ;- Bộ Tài chính (để b/c);- Bộ Tư pháp (Cục KTVB để kt);- Bộ Tư pháp (Vụ BTTP để b/c);- Cơ quan đại diện Bộ Tư pháp tại TP.HCM;- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (b/c);- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;- Như Điều 4 (để t/h);- Sở Tư pháp (theo dõi);- Đài PTTH, Báo BR-VT;- Trung tâm công báo tỉnh;- Website UBND tỉnh;- Lưu VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂNCHỦ TỊCH(Đã ký)Trần Minh Sanh** |